**CHƯƠNG 1: SỐ HỮU TỈ**

**Bài 2: CỘNG, TRỪ SỐ HỮU TỈ**

**I. LÍ THUYẾT TRỌNG TÂM**

**1. Cộng, trừ hai số hữu tỉ**

Ta có thể cộng, trừ hai số hữu tỉ *x, y* bằng cách viết chúng dưới dạng hai phân số rồi áp dụng quy tắc cộng, trừ phân số.

Với  ta có:



**2. Tính chất**

Phép cộng số hữu tỉ có tính chất của phép cộng phân số: giao hoán, kết hợp, cộng với 0, cộng với số đối.

Với  ta có:

a) Tính chất giao hoán: 

b) Tính chất kết hợp: 

c) Cộng với số 0: 

d) Cộng với số đối: 

**3. Quy tắc “chuyển vế”**

Khi chuyển một số hạng từ vế này sang vế kia của một đẳng thức, ta phải đổi dấu số hạng đó.

Với mọi , nếu  thì 

**\*) Chú ý:**

**+** Nếu hai số hữu tỉ đều được cho dưới dạng số thập phân thì ta áp dụng quy tắc cộng và trừ đối với số thập phân.

+ Trong tập các số hữu tỉ , ta cũng có quy tắc dấu ngoặc tương tự như trong tập các số nguyên .

+ Trong  ta có tổng đại số, trong đó có thể đổi chỗ các số hạng, đặt dấu ngoặc để nhóm các số hạng một cách tùy ý như các tổng đại số trong .

Với  ta có:



**SƠ ĐỒ HỆ THỐNG HÓA**

**A. Cộng, trừ số hữu tỉ**

**1. Phương pháp**

+ Viết số hữu tỉ dưới dạng phân số có mẫu dương.

+ Cộng, trừ phân số.



**2. Tính chất**

+ Giao hoán: 

+ Kết hợp: 

+ Cộng với 0: 

**3. Quy tắc chuyển vế**: Tìm thành phần chưa biết: .

**II. CÁC DẠNG BÀI TẬP**

**Dạng 1:** Thực hiện phép tính của hai hay nhiều số hữu tỉ

Bài toán 1: Cộng, trừ hai số hữu tỉ

\*) Phương pháp giải: Để cộng (trừ) hai số hữu tỉ, ta thực hiện các bước sau:

Bước 1. Viết hai số hữu tỉ dưới dạng hai phân số có mẫu dương và thực hiện quy đồng hai phân số.

Bước 2.Cộng (trừ) hai tử và giữ nguyên mẫu.

Bước 3.Rút gọn kết quả về dạng phân số tối giản.

**Bài 1:**

Tính 

**Hướng dẫn giải**

Bước 1. 

Bước 2. 

Bước 3. Vậy 

**Bài 2:** Tính

a)  b)  c)  d) 

**Hướng dẫn giải**

a) 

b) 

c) 

d) 

**Bài 3:**

Tính:

a)  b)  c)  d) 

**Lời giải:**

a)  b) 

c)  d) 

**Bài 4:**

Tính:

a)  b)  c)  d) 

**Lời giải:**

a)  b) 

c)  d) 

**Bài 5:**

Tính:

a)  b)  c)  d) 

**Lời giải:**

a)  b) 

c)  d) 

**Bài 6:**

Tính:

a)  b)  c)  d) 

**Lời giải:**

a)  b) 

c)  d) 

**Bài 7:**

Tính:

a)  b)  c)  d) 

**Lời giải:**

a)  b) 

c)  d) 

**Bài toán 2: Cộng, trừ nhiều số hữu tỉ**

**\*) Phương pháp giải:** Để cộng (trừ) nhiều số hữu tỉ, ta có thể thực hiện như sau:

+ Nếu biểu thức không chứa dấu ngoặc, ta thực hiện quy đồng các phân số rồi cộng, trừ các phân số cùng mẫu.

+ Nếu biểu thức chứa dấu ngoặc, ta thực hiện trong ngoặc trước, ngoài ngoặc sau hoặc phá dấu ngoặc (chú ý đổi dấu nếu trước dấu ngoặc có dấu “-”).

**\* Thông hiểu**

**Bài 8:**

Tính hợp lí:

a)  b) 

**Lời giải:**

a)  

b)  

**Bài 9:**

Tính hợp lí:

a)  b) 

**Lời giải:**

a)  

b) 

**Bài 10:**

Tính hợp lí:

a)  b) 

**Lời giải:**

a)  

b)  

**Bài 11:**

Tính hợp lí:

a)  b) 

**Lời giải:**

a)  

b)  

**Bài 12:**

Tính hợp lí:

a)  b) 

**Lời giải:**

a)  

b)  

**Bài 13:**

Tính hợp lí:

a)  b) 

**Lời giải:**

a) 

b) 



**Bài 14:**

Thực hiện phép tính:

a)  b)  c)  d) 

**Hướng dẫn giải**

a) 

b) 

c) 

d) 

**Bài toán 3: Thực hiện phép tính một cách hợp lí**

**\*) Phương pháp giải:** Ta có thể sử dụng các tính chất của phép cộng số hữu tỉ để tính hợp lí (nếu có thể).

Bước 1. Áp dụng tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của số hữu tỉ để nhóm các số hạng.

Bước 2. Thực hiện cộng, trừ số hữu tỉ.

**Bài 15:**

Thực hiện phép tính (hợp lí nếu có thể):



**Hướng dẫn giải**

Bước 1.

Bước 2.

**Bài 16:**

Thực hiện phép tính (hợp lí nếu có thể):

a)  b) 

**Hướng dẫn giải**

a) 



b) 

**Bài 17:**

Tính nhanh:

a) 

b) 

**Lời giải:**

a)   

b)  

**Bài 18:**

Tính nhanh:

a) 

b) 

**Lời giải:**

a)  

b)  

**Bài 19:**

Tính nhanh:

a)  b) 

**Lời giải:**

a)  

b)   

**Bài 20:**

Tính nhanh:

a) 

b) 

**Lời giải:**

a)    

b)   

**Bài 21:**

Tính nhanh:

a) 

b) 

**Lời giải:**

a)  



b)   

**Bài 22:**

Tính nhanh:

a) 

b) 

**Lời giải:**

a)  

 

b)  

 

**Bài 23:**

Tính nhanh:

a) 

b) 

**Lời giải:**

a)   

b)   

**Bài 24:**

Tính nhanh:

a) 

b) 

**Lời giải:**

a)   

b)  



**Bài 25:**

Tính nhanh:

a) 

b) 

**Lời giải:**

a) 





b)   

**Bài 26:**

Tính nhanh:

a) 

b) 

**Lời giải:**



b)  



 =

**BÀI TẬP ÁP DỤNG DẠNG TOÁN**

**Bài 1:**

Kết quả của phép tính  là:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Lời giải**

Chọn A.

Ta có: 

**Bài 2:**

Phép tính nào dưới đây có kết quả bằng ?

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Lời giải**

Chọn B.

**A.**  **B.** 

**C.**  **D.** .

**Bài 3:**

Kết quả của phép tính  là:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Lời giải**

Chọn B.

Ta có: 

**Bài 4:**

Phép tính nào dưới đây có kết quả bằng ?

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Lời giải**

Chọn C.

**A.**  **B.** 

**C.**  **D.** 

**Bài 5:**

Giá trị của biểu thức  là:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Lời giải**

Chọn D.

Ta có: 

**Bài 6:**

Số nào dưới đây là giá trị của biểu thức ?

**A.** 2. **B.** . **C.** 1. **D.** 0.

**Lời giải**

Chọn D.

Ta có: 

Vậy .

**Bài 7:**

Kết luận nào đúng khi nói về giá trị của biểu thức ?

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Lời giải**

Chọn C.

Ta có: 



Vậy .

**Bài 8:** Thực hiện các phép tính sau:

a)  b)  c) 

d)  e)  f) 

**Lời giải**

a)  b) 

c)  d) 

e)  f) 

**Bài 9:** Tính giá trị của các biểu thức sau:

a)  b) 

c)  d) 

**Lời giải**

a) 

b) 

c) 

d) 

**Bài 10:**

Thực hiện phép tính (hợp lí có thể):

a)  b) 

**Lời giải**

a) 



b) 



**Bài 11:**

a)  b) 

c)  d) 

**Lời giải**

a)  b) 

c)  d) 

**Bài 12:**

a)  b) 

c)  d) 

**Lời giải**

a)  b) 

c)  d) 

**Bài 13:**

a)  b) 

c)  d) 

**Lời giải**

a) Ta có 



Vậy .

b) Ta có 

Vậy .

c)  

Vậy .

d) 







Vậy .

**Bài 14:**

a)  b) 

c)  d) 

**Lời giải**

a) 

b) 

c) 

d) 



**Bài 15:**

a) 

b) 

**Lời giải**

a)  

b)  

**Bài 16:**

a) 

b) 

**Lời giải**

a)  

 

b)   

 

**Bài 17:**

a) 

b) 

**Lời giải**

a) Ta có : 

b) Ta có : 

**Bài 18:**

a) 

b) 

**Lời giải**

a) Ta có : 





b) Ta có : 







**Dạng 2: Viết một số hữu tỉ dưới dạng tổng hoặc hiệu của hai số hữu tỉ**

\*) Phương pháp giải:Để viết một số hữu tỉ dưới dạng tổng hoặc hiệu của hai số hữu tỉ, ta thường thực hiện các bước sau:

Bước 1. Viết số hữu tỉ dưới dạng phân số có mẫu dương.

Bước 2. Viết tử của phân số thành tổng hoặc thành hiệu của hai số nguyên.

Bước 3. “Tách” số hữu tỉ thành hai phân số có tử là các số nguyên tìm được.

Bước 4. Rút gọn từng phân số (nếu có thể) và kết luận.

**Bài 1:**

Tìm hai cách viết số hữu tỉ  dưới dạng tổng của hai số hữu tỉ âm.

**Hướng dẫn giải**

**Bước 1.** Ta có 

**Bước 2.** Ta có  nên 

**Bước 3.** 

**Bước 4.** Vậy  hoặc 

**Bài 2:**

Viết số hữu tỉ sau dưới dạng tổng hoặc hiệu của hai số hữu tỉ khác:

a)  b)  c)  d) 

**Hướng dẫn giải**

a) 

b) 

c) 

d) 

**Bài 3:**

Tìm hai số hữu tỉ có tổng là .

**Lời giải**

Ta có . Vậy hai số đó là  và .

**Bài 4:**

Tìm hai số hữu tỉ có tổng là .

**Lời giải**

Ta có . Vậy hai số đó là  và .

**Bài 5:**

Tìm ba cách viết số hữu tỉ  dưới dạng tổng của hai số hữu tỉ âm.

**Lời giải**

Ta có: 

Vậy 

**Dạng 3:** Tìm số hữu tỉ *x* thỏa mãn điều kiện cho trước

**\*) Phương pháp giải**

Ta sử dụng quy tắc “chuyển vế” biến đổi số hạng tự do sang một vế, số hạng chứa *x* sang một vế khác.

Bước 1.Sử dụng quy tắc chuyển vế

Bước 2.Thực hiện tính toán để tìm *x*.

Bước 3.Kết luận.

Ta có: 





**Bài 1:**

Tìm *x*, biết 

**Hướng dẫn giải**

Ta có: 



Vậy 

**Bài 2:**

Tìm *x*, biết:

a)  b) 

**Lời giải**

a) 

Vậy 

b) 

Vậy 

**Bài 3:**

Tìm *x*, biết

a)  b) 

**Hướng dẫn giải**

a) 

Vậy 

b) 

Vậy 

**Bài 4:**

Tìm *x*, biết

a)  b)  c) 

**Lời giải**

a) 

Vậy 

b) 

Vậy 

c) 

Vậy 

**Bài 5:**

Tìm *x*, biết

a)  b)  c) 

**Lời giải**

a)  b) 

c) 

**Bài 6:**

Tìm *x*, biết

a)  b)  c) 

**Lời giải**

a) 



Vậy 

b) 





Vậy 

c) 







Vậy 

**Bài 7:**

Tìm , biết:

a)  b)  c)  d) 

**Lời giải:**

a) . Vậy 

b) . Vậy 

c) . Vậy 

d) . Vậy 

**Bài 8:**

Tìm , biết:

a)  b)  c)  d) 

**Lời giải:**

a) . Vậy 

b) . Vậy 

c) 







Vậy 

d) 

  


Vậy 

**Bài 9:**

Tìm , biết:

a)  b)  c)  d) 

**Lời giải:**

a) . Vậy 

b) . Vậy 

c) . Vậy .

d) . Vậy 

**Bài 10:**

Tìm , biết:

a)  b)  c)  d) 

**Lời giải:**

a) . Vậy 

b) . Vậy 

c) . Vậy 

d) . Vậy 

**Bài 11:**

Tìm , biết:

a)  b)  c)  d) 

**Lời giải:**

a) . Vậy 

b) . Vậy 

c) . Vậy 

d) . Vậy 

**Bài 12:**

Tìm , biết:

a)  c) 

b)  d) 

**Lời giải:**

a) 





Vậy 

b) 





Vậy 

c) 





Vậy 

d) 



Vậy 

**Bài 13:**

**Bài 7 .** Tìm  , biết:

a)  c) 

b)  d) 

**Lời giải:**

a) . Vậy 

b) . Vậy 

c) .

Vậy 

d) . Vậy 

**Bài 14:**

Tìm , biết:

a)  c) 

b)  d) 

**Lời giải:**

a) 

b) 

c) 

d) 

**Bài 15:**

Tìm  , biết:

a)  b) 

c)  d) 

**Lời giải:**

a) . Vậy 

b) . Vậy 

c) 



Vậy 

d) 

Vậy 

**Bài 16:**

Tìm , biết:

a)  b) 

c)  d) 

**Lời giải:**

a) . Vậy 

b) . Vậy 

c) . Vậy 

d) 

Vậy 

**Bài 17:**

Tìm , biết:

a)  b) 

c)  d) 

**Lời giải:**

a)  

b)  

c)  

d)  

**Bài 18:**

Tìm , biết:

a)  b) 

c)  d) 

**Lời giải:**

a)  

b)  

c)  

d)  

**Bài 19:**

Tìm , biết:

a)  b) 

c)  d) 

**Lời giải:**

a)  

b)  

c)  

d)  

**Bài 20:**

Tìm , biết:

a)  b) 

c)  d) 

**Lời giải:**

a)  

b)  

c)  

d)  

**Bài 21:**

Tìm  biết:

a)  b) 

c)  d) 

**Lời giải:**

a)  

b)  

c)  

d)  

**Bài 22:**

Tìm  , biết:  và 

**Lời giải:**

Ta có: 

Vì

**Bài 23:**

Tìm  biết:  và 

**Lời giải:**



Vì 

**Bài 24:**

Tìm  biết: 

**Lời giải:**

Đặt .

Ta có mẫu của 

Khi đó 

Như vậy ta có: 

**Bài 25:**

Tìm , biết: 

**Lời giải:**

Ta có : 







**Bài 26:**

Tìm , biết: 

**Lời giải:**

Ta có: 















**BÀI TẬP TỰ LUYỆN DẠNG TOÁN**

**Bài 1.**

a) . Vậy 

b) 

Vậy 

c)











Vậy 

d) 



Vậy 

**Bài 2.**

a)  .Vậy 

b) 









Vậy 

c) 







Vậy 

d) 







Vậy 

**Bài 3.**

a)  .

Vậy 

b) .

Vậy 

c)  .

Vậy 

d) 









Vậy 

**Bài 4.**

a). Vậy 

b) 









Vậy 

c) 







Vậy 

d) 





Vậy 

**Bài 5.**

a)





 vì  và  nên 

b) 



 vì 

**Bài 6.**

a) 









b) 









**Bài 7.**

Ta có : 

=

=

Khi đó : 

**Bài 8.**

Ta có:









**Dạng 4: Tính tổng dãy số có quy luật**

**\*) Phương pháp giải:** Để tính tổng dãy số có quy luật ta cần tìm ra tính chất đặc trưng của từng số hạng trong tổng, từ đó biến đổi và thực hiện phép tính.

Bước 1.Ở ví dụ bên, ta thấy các giá trị ở tử không thay đổi và chúng đúng bằng hiệu hai thừa số ở mẫu.

Mỗi số hạng đều có dạng 

Do đó ta thực hiện tách các số hạng của tổng S theo công thức 

Bước 2.Vì tổng sau khi tách có đặc điểm: các số hạng liên tiếp luôn đối nhau, nên ta dùng tính chất kết hợp để nhóm các số hạng. Khi đó các số hạng trong tổng được khử liên tiếp đến khi trong tổng chỉ còn số hạng đầu và số hạng cuối.

Tổng quát:Nếu trong tổng xuất hiện các số hạng dạng  thì ta tách các số hạng theo công thức sau: .

**Bài 1:**

Tính 

**Hướng dẫn giải**

Bước 1.Tách mỗi số hạng của tổng



Bước 2.Áp dụng tính chất kết hợp, nhóm các số hạng:



**Bài 2:**

Tính nhanh

a) 

b) 

**Hướng dẫn giải**

a)



Vậy .

b)





Vậy 

**Bài 3:**

Tính 

**Hướng dẫn giải**

Áp dụng công thức  với  ta có:



Vậy .

**Bài 4:**

Tính giá trị biểu thức .

**Lời giải**

Ta có: 

**Bài 5:**

Tính giá trị biểu thức .

**Lời giải**

Ta có: 

**Dạng 5: Bài toán thực tế**

**I. Phương pháp giải:** Để giải một bài toán thực tế liên quan đến cộng, trừ số hữu tỉ, ta thường làm như sau:

*Bước 1:* Phân tích bài toán, từ các dữ kiện đề bài xác định các giá trị của cùng một đại lượng (ví dụ: các giá trị của một đoạn đường, một chiếc bánh, một quyển sách, một đơn vị thời gian...) và thiết lập mối quan hệ giữa các đại lượng trong bài toán.

*Bước 2:* Dựa vào quy tắc cộng, trừ số hữu tỉ, thực hiện các phép toán tương ứng.

*Bước 3:* Kết luận.

**II. Bài toán:**

**Bài 1:**

An đọc một quyển sách trong  ngày. Ngày thứ nhất An đọc được  quyển sách, ngày thứ hai An đọc được  quyển sách. Hỏi trong  ngày An đọc được bao nhiêu phần quyển sách?

**Lời giải :**

Trong  ngày An đọc được:  (quyển sách).

**Bài 2:**

Ba xe ô tô cùng chuyển long nhãn từ Hưng Yên lên Hà Nội . Ô tô thứ nhất, thứ hai, thứ ba chuyển được lần lượt  số long nhãn trong kho. Cả ba ô tô chuyển được bao nhiêu phần long nhãn trong kho?

**Lời giải:**

Cả ba ô tô chuyển được:  **(**số long nhãn trong kho)

**Bài 3:**

Tính chu vi tam giác biết độ dài ba cạnh của tam giác có số đo là: cm; cm; cm**.**

**Lời giải:**

Chu vi tam giác là: cm

Vậy chu vi tam giác là: cm

**Bài 4:**

Một con voi châu Á sinh thiếu tháng nên chỉ đạt  tạ, ít hơn tạ so với cân nặng trung bình của voi sơ sinh. Tính cân nặng trung bình của voi sơ sinh châu Á?

**Lời giải:**

Cân nặng trung bình của voi sơ sinh châu Á là: (tạ)

**Bài 5:**

Nhiệt độ hiện tại trong một kho lạnh là . Do yêu cầu bảo quản hàng hóa, người quản lý kho tiếp tục giảm độ lạnh của kho thêm . Hỏi khi đó nhiệt độ trong kho là bao nhiêu độ?

**Lời giải:**

Nhiệt độ trong kho khi đó là: 

**Bài 6:**

Chị Hà mới đi làm và nhận được tháng lương đầu tiên. Chị quyết định dùng số tiền đó để chị chi tiêu trong tháng, dành số tiền để mua quà biếu bố mẹ. Hỏi chị Hà còn lại bao nhiêu phần tiền lương?

**Lời giải:**

Số phần tiền lương còn lại của chị Hà là:  phần

**Bài 7:**

Một xưởng may trong tuần thứ nhất thực hiện được kế hoach tháng, tuần thứ hai thực hiện được kế hoạch, trong tuần thứ ba thực hiện được kế hoạch. Để hoàn thành kế hoạch của tháng thì trong tuần cuối xưởng phải thực hiện bao nhiêu phần kế hoạch?

**Lời giải:**

Để hoàn thành kế hoạch của tháng thì trong tuần cuối xưởng phải thực hiện:

 (kế hoạch)

**Bài 8:**

Một khu đất hình chữ nhật có chiều dài là  (km), chiều rộng là  (km).

a) Tính nửa chu vi của khu đất.

b) Chiều dài hơn chiều rộng bao nhiêu km?

**Lời giải:**

a) Nửa chu vi khu đất là:  (km)

b) Chiều dài hơn chiều rộng là:  (km)

**Bài 9:**

Hai người cùng làm chung một công việc. Nếu làm riêng, người thứ nhất phải mất  giờ, người thứ hai phải mất  giờ mới xong công việc. Hỏi nếu làm chung thì mỗi giờ cả hai người làm được mấy phần công việc?

**Lời giải:**

Coi toàn bộ công việc là  đơn vị.

Người thứ nhất làm xong công việc trong  giờ. Suy ra trong  giờ làm được  công việc.

Người thứ hai làm xong công việc trong  giờ. Suy ra trong  giờ làm được  công việc.

Vậy trong  giờ, cả hai cùng làm thì được số phần công việc là:  công việc.

**Bài 10:**

Hai vòi nước cùng chảy vào một cái bể không có nước. Trong một giờ, vòi thứ nhất chảy vào được  bể, vòi thứ hai chảy vào được  bể. Hỏi vòi nào chảy nhanh hơn và trong một giờ, cả hai vòi chảy được bao nhiêu phần bể?

**Lời giải:**

Coi toàn bộ bể là  đơn vị.

Ta có 

Vậy trong giờ, khi chảy một mình thì vòi thứ nhất chảy chậm hơn vòi thứ hai.

Vậy trong  giờ, cả hai vòi cùng chảy thì được số phần bể là:  bể.

**Bài 11:**

Hai vòi cùng chảy vào một bể. Nếu vòi thứ nhất chảy thì mất  giờ phút mới đầy bể. Nếu vòi thứ hai chảy thì mất giờ  phút mới đầy bể. Hỏi trong  giờ, hai vòi chảy được bao nhiêu phần bể?

**Lời giải:**

giờ phút =  giờ

 giờ  phút =  giờ

Coi toàn bộ bể nước là 1 đơn vị

Vòi thứ nhất chảy đầy bể trong  giờ. Suy ra trong một giờ vòi thứ nhất chảy được  bể.

Vòi thứ hai chảy đầy bể trong  giờ. Suy ra trong một giờ vòi thứ hai chảy được  công việc.

Vậy trong một giờ, cả hai vòi cùng chảy được số phần bể là:

 bể.

**Bài 12:**

Hai vòi nước cùng chảy vào  bể. Vòi  chảy trong h, vòi  chảy trong h đầy bể. Vòi  tháo trong h thì bể cạn. Bể đang cạn nếu mở cả  vòi thì sau h chảy được bao nhiêu phần bể?

**Lời giải:**

 giờ vòi  chảy vào được  phần bể.

 giờ vòi  chảy vào được  phần bể.

 giờ vòi  chảy ra được  phần bể

Bể đang cạn nếu mở cả 3 vòi thì sau 1h chảy được số phần bể là:

 (phần bể)

Vậy bể đang cạn nếu mở cả  vòi thì sau 1h chảy được  phần bể.

**Bài 13:**

Người thứ nhất đi xe đạp từ A đến B hết  giờ; người thứ hai đi xe máy từ B về A hết  giờ ; người thứ hai khởi hành sau người thứ nhất  giờ. Hỏi sau khi người thứ hai đi được  giờ thì hai người đã gặp nhau chưa?

**Lời giải:**

Sau  giờ người thứ hai đi được  quãng đường.

Vì người thứ hai khởi hành sau người thứ nhất  giờ nên sau khi người thứ hai đi được  giờ thì người thứ nhất đã đi được  giờ. Vậy người thứ nhất đi được  quãng đường.

Tổng quãng đường hai người đã đi là:

 quãng đường

Vì nên hai người chưa gặp nhau.

**Bài 14:**

Một cửa hàng bán  kg đường trong ba ngày. Biết tổng số đường cửa hàng bán được của hai ngày đầu là kg. Tổng số đường bán trong hai ngày sau là kg. Hỏi mỗi ngày cửa hàng bán được bao nhiêu ki – lô– gam đường?

**Lời giải:**

Khối lượng đường cửa hàng bán trong ngày thứ hai là: (kg)

Khối lượng đường cửa hàng bán trong ngày đầu là:  (kg)

Khối lượng đường cửa hàng bán trong ngày thứ ba là: (kg)

**Bài 15:**

Một kho lương thực nhập gạo vào  đợt. Đợt đầu nhập tấn gạo. Đợt thứ hai nhập ít hơn đợt đầu là  tấn và ít hơn đợt thứ ba là tấn. Đợt thứ tư nhập ít hơn mức trung bình của cả bốn đợt là  tấn gạo. Hỏi đợt thứ tư nhập mấy tấn gạo?

**Lời giải:**

Số tấn gạo nhập vào đợt hai là : ( tấn )

Số tấn gạo nhập vào đợt thứ ba là : (tấn)

Trung bình bốn đợt nhập số tấn gạo là : (tấn)

Số tấn gạo nhập vào đợt thứ tư là :  (tấn)

**Bài 16:**

Bình đọc một cuốn sách trong  ngày. Ngày thứ nhất đọc được  quyển sách, ngày thứ hai đọc được  quyển sách, ngày thứ ba đọc được  quyển sách. Hỏi hai ngày đầu Bình đọc nhiều hơn hay ít hơn hai ngày sau. Tìm phân số chỉ số chênh lệch đó?

**Lời giải:**

Phân số chỉ số trang sách đọc được trong ngày thứ tư là:

 (quyển sách)

Phân số chỉ số trang sách đọc được trong hai ngày đầu là:

 (quyển sách)

Phân số chỉ số trang sách đọc được trong hai ngày sau là:

 (quyển sách)

Hai ngày đầu Bình đọc nhiều hơn hai ngày sau.

Phân số chỉ số chênh lệch đó là:  (quyển sách)

**Bài 17:**

Bốn vòi cùng chảy vào đầy một bể nước trong  giờ. Biết trong  giờ: Vòi thứ nhất chảy  bể, vòi thứ hai chảy được  bể, vòi thứ ba chảy được  bể. Hỏi trong  giờ vòi thứ nhất và vòi thứ hai chảy được nhiều hơn hay ít hơn vòi thứ ba và vòi thứ tư. Tìm phân số chỉ số chênh lệch đó?

**Lời giải:**

Phân số chỉ số phần bể vòi thứ tư chảy được trong  giờ là:

 (bể)

Phân số chỉ số phần bể vòi thứ nhất và vòi thứ hai chảy trong  giờ là:

 (bể)

Phân số chỉ số phần bể vòi thứ ba và vòi thứ tư chảy trong  giờ là:

 (bể)

Trong  giờ vòi thứ nhất và vòi thứ hai chảy được nhiều hơn vòi thứ ba và vòi thứ tư.

Phân số chỉ số chênh lệch đó là:  (bể)

**Bài 18:**

Một giá sách có hai ngăn, ngăn A và ngăn B. Số sách ngăn A bằng  số sách ngăn B. Nếu chuyển  quyển từ ngăn A sang ngăn B thì số sách ngăn A bằng  số sách ngăn B. Tính tổng số sách  ngăn?

**Lời giải:**

Số sách ngăn A bằng: (tổng số sách hai ngăn)

Nếu chuyển 3 quyển từ ngăn A sang ngăn B thì số sách ngăn A bằng:

 (tổng số sách hai ngăn)

 quyển sách ứng với:  (tổng số sách hai ngăn)

Tổng số sách hai ngăn bằng:  (quyển)

**Bài 19:**

Có  quả cam chia đều cho  người. Làm thế nào để chia được mà không phải cắt bất kì quả cam nào thành  phần bằng nhau.

**Lời giải:**

Có  quả cam chia cho  người thì mỗi người sẽ được  quả cam.

Mà: 

Nên mỗi người sẽ được  và  quả cam.

Vì vậy để không phải cắt bất kì quả cam nào thành  phần bằng nhau thì ta phải:

+ Lấy  quả, mỗi quả chia thành  phần bàng nhau thì ta có được  phần.

+ Lấy  quả, mỗi quả chia thành  phần thì cũng đủ  phần cho mọi người.

**Bài 20:**

Học kì I, số học sinh giỏi của lớp  bằng số học sinh còn lại. Sang học kì II, số học sinh giỏi tăng thêm  bạn (số học sinh cả lớp không đổi nên số học sinh giỏi bằng số còn lại). Hỏi học kì I, lớp  có bao nhiêu học sinh giỏi?

**Lời giải:**

Học kì I, số học sinh giỏi lớp  bằng số học sinh còn lại nên phân số chỉ số học sinh giỏi học kì I so với cả lớp là  số học sinh lớp .

Học kì II, số học sinh giỏi lớp  bằng  số học sinh còn lại nên phân số chỉ số học sinh giỏi học kì I so với cả lớp là số học sinh lớp .

Vì học kì II, số học sinh giỏi lớp  nhiều hơn học kì I là 8 học sinh, nên ta có phân số tương ứng với  học sinh là: 

Vậy, lớp A có số học sinh là:  (học sinh)

Số học sinh giỏi học kì I là: (học sinh)

**BÀI TẬP TỰ LUYỆN**

**Bài 1:**

Người ta mở hai vòi nước cùng chảy vào một bể. Vòi thứ nhất mỗi giờ chảy được  bể, vòi thứ hai mỗi giờ chảy được  bể. Nểu mở đồng thời cả hai vòi, mỗi giờ được mấy phần bể?

**Lời giải**

Nếu mở đồng thời cả hai vòi, mỗi giờ chảy được  bể

**Bài 2:**

Tính chu vi tam giác biết độ dài ba cạnh của tam giác có số đo là: cm;cm; cm**.**

**Lời giải**

Chu vi tam giác là: (cm)

Vậy chu vi tam giác là:  cm

**Bài 3:**

Để hoàn thành một công việc, anh Nam cần  giờ, anh Việt cần  giờ. Nếu hai anh cùng làm trong  giờ thì cả hai người làm được mấy phần công việc.

**Lời giải**

Trong  giờ anh Nam làm được công việc. Trong  giờ anh Việt làm được công việc.

Cả hai anh cùng làm trong  giờ thì cả  người làm được số công việc là: công việc

**Bài 4:**

Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài là m, chiều rộng kém chiều dài  m. Tính nửa chu vi của mảnh vườn.

**Lời giải**

Chiều rộng mảnh vườn là: (m)

Nửa chu vi mảnh vườn là: (m)

**Bài 5:**

Người thứ nhất đi xe đạp từ A đến B hết  giờ; người thứ hai đi xe máy từ B về A hết  giờ ; người thứ hai khởi hành sau người thứ nhất  giờ. Hỏi sau khi người thứ hai đi được  giờ thì hai người đã gặp nhau chưa?

**Lời giải**

Sau  giờ người thứ hai đi được  quãng đường.

Vì người thứ hai khởi hành sau người thứ nhất  giờ nên sau khi người thứ hai đi được  giờ thì người thứ nhất đã đi được  giờ. Vậy người thứ nhất đi được  quãng đường.

Tổng quãng đường hai người đã đi là:  quãng đường

Vì nên hai người đã gặp nhau rồi.

**Bài 6:**

Một cửa hàng bán  kg lạc trong ba ngày. Biết tổng số lạc cửa hàng bán được của hai ngày đầu là  kg. Tổng số lạc bán trong hai ngày sau là  kg. Hỏi mỗi ngày cửa hàng bán được bao nhiêu ki – lô– gam lạc?

**Lời giải**

Khối lượng lạc cửa hàng bán trong ngày thứ hai là:

(kg)

Khối lượng lạc cửa hàng bán trong ngày đầu là:

 (kg)

Khối lượng lạc cửa hàng bán trong ngày thứ ba là:

 (kg)

**Bài 7:**

Có  quả táo chia đều cho  người. Làm thế nào để chia được mà không phải cắt bất kì quả táo nào thành  phần bằng nhau.

**Lời giải**

Có  quả táo chia cho  người thì mỗi người sẽ được  quả táo.

Mà: 

Nên mỗi người sẽ được  và  quả táo.

Vì vậy để không phải cắt bất kì quả táo nào thành  phần bằng nhau thì ta phải:

+ Lấy  quả, mỗi quả chia thành  phần bàng nhau thì ta có được phần.

+ Lấy  quả, mỗi quả chia thành  phần thì cũng đủ  phần cho mọi người.

**Bài 8:**

Tính tổng số học sinh lớp  và lớp  của một trường biết: Số học sinh lớp bằng  số học sinh lớp . Nếu chuyển  học sinh từ lớp  sang lớp  thì số học sinh lớp  bằng  số học sinh lớp .

**Lời giải**

Ban đầu số học sinh lớp  bằng: (tổng số học sinh  lớp)

Nếu chuyển  học sinh từ lớp  sang lớp  thì số học sinh lớp  bằng:

 (tổng số học sinh  lớp)

 học sinh bằng:  (tổng số học sinh  lớp)

Tổng số học sinh hai lớp là:  (học sinh)